TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 15-01-2026
V/v: Tranh chấp ly hôn, việc nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2025/TLPT-HNGĐ ngày 08/12/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, việc nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 535/2025/HNGĐ-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7823/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mai L, sinh năm 1995.
CCCD số 091195007519, cấp ngày 29/7/2022.
Địa chỉ: Tổ D, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang).

Bị đơn: Ông Kiều Tấn T, sinh năm 1981.
CCCD số 080081009110, cấp ngày 10/7/2021.
Địa chỉ: C D, khu phố H, phường H, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Kiều Tấn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Lê Thị Mai L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Kiều Tấn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2018 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 27/8/2018. Bà và ông T chung sống có một con chung tên Kiều Lê Mai T1 (nữ), sinh ngày 21/11/2019. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T xuất phát từ việc cả hai chưa tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, hôn nhân giữa ông bà không xuất phát từ tình yêu mà do mai mối giữa cha mẹ hai bên. Vì vậy, ngay từ những ngày đầu của cuộc sống hôn nhân, bà và ông T đã không có chung suy nghĩ, cảm xúc cũng như quan điểm sống. Đồng thời, giữa bà và ông T có sự chênh lệch về tuổi tác khá lớn nên lại càng khó để tìm được tiếng nói chung khi xảy ra mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, bà cũng không nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ ông T, cuộc sống vợ chồng cứ trôi qua buồn tẻ như vậy. Sau khi cưới vài tháng thì bà mang thai, suốt giai đoạn thai kỳ, ông T chưa một lần đưa bà đi khám thai hay hỏi bà muốn ăn gì, uống gì để mua cho bà tẩm bổ. Từ lúc sinh con ra cho tới bây giờ, ông T chưa hề thay tã, tắm rửa hay cho con uống sữa lần nào, tất cả đều do một mình bà chăm sóc con. Khi hết thời gian nghỉ thai sản và phải đi làm lại, bà có nhờ mẹ ruột lên sống cùng để phụ chăm sóc con. Dù sống chung nhà nhưng bà và ông T đã ly thân từ năm 2020, vợ chồng sống riêng phòng, không sinh hoạt chung, tự lo về kinh tế, tiền ai người nấy xài, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 9/2024 đến nay bà đã dọn ra ngoài sống riêng, việc ông T nói bà ngoại tình là hoàn toàn sai sự thật, không có cơ sở, ông T chỉ đang cố ý làm nhục bà trước mọi người. Nhận thấy mâu thuẫn thường xuyên, lâu dài đã làm mất tình cảm với nhau, vợ chồng không có hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kiều Lê Mai T1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 05/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Kiều Tấn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mai L tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2018 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 27/8/2018. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà L chịu thừa nhận hành vi ngoại tình của mình và xin lỗi ông vì hành vi trên.

Về con chung: Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Kiều Lê Mai T1 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà L không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 535/2025/HNGĐ-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

"…- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mai L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mai L được ly hôn với ông Kiều Tấn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Kiều Lê Mai T1 (nữ), sinh ngày 21/11/2019 cho bà Lê Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mai L về việc không yêu cầu ông Kiều Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung. Bà Lê Thị Mai L và ông Kiều Tấn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị Mai L và ông Kiều Tấn T cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét…".

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 07/10/2025, ông Kiều Tấn T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao trẻ Kiều Lê Mai T1 cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các chứng cứ do ông cung cấp, bà L không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng con, môi trường sống hiện tại của trẻ T1 tại nhà ngoại không ổn định, bà L vi phạm nghiêm trọng đạo đức, lối sống và tạo

môi trường không an toàn cho con, bản thân ông đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Nguyên đơn - bà Lê Thị Mai L trình bày:* Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Bị đơn - ông Kiều Tấn T trình bày:* Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Kháng cáo của ông Kiều Tấn T làm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thì bà L và ông T có một con chung tên Kiều Lê Mai T1, sinh ngày 21/11/2019. Về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế để nuôi con chung của các bên là như nhau, sau khi cha mẹ ly hôn thì trẻ vẫn đảm bảo được chăm sóc tốt về vật chất và tinh thần. mặt khác trẻ T1 hiện còn nhỏ, là nữ giới nên việc sống cùng mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển tốt hơn về tâm sinh lý. Từ khi sinh ra cho đến nay, trẻ T1 vẫn do bà L chăm sóc nuôi dưỡng dưới sự hỗ trợ của cha mẹ ruột bà L. Nhận thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu giao trẻ Thy cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông T kháng cáo cho rằng môi trường sống của ông bà ngoại trẻ Thy phức tạp, làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, bà L vi phạm đạo đức nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hiện trẻ T1 vẫn được chăm sóc tốt, đi học bình thường ổn định. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Kiều Tấn T làm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2018, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 27/8/2018 thì bà L và ông T kết hôn hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vợ chồng bà L, ông T mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau… nên quyết

định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét thấy, không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần này nên HĐXX không xem xét.

[2.2] Về việc nuôi con:

Căn cứ Trích lục khai sinh số 685/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 03/12/2019, thì trẻ Kiều Lê Mai T1, sinh ngày 21/11/2019 là con của ông T và bà L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà L và ông T đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có nơi cư trú, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà L và ông T đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Các bên đều thống nhất trình bày khi trẻ Thy được sinh ra thì do bà L và ông T cùng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn sống ly thân thì bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ T1, trẻ Thy còn nhỏ hiện đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thy, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo cho rằng bà L không phải là người trực tiếp nuôi con, gia đình bên ngoại có người cậu có biểu hiện tâm thần, có lối sống và môi trường không an toàn cho trẻ T1 nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, ông T cũng không chứng minh được việc bà L không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thy.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung);

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - ông Kiều Tấn T.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 535/2025/HNGĐ-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mai L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mai L được ly hôn với ông Kiều Tấn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Kiều Lê Mai T1 (nữ), sinh ngày 21/11/2019 cho bà Lê Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Mai L về việc không yêu cầu ông Kiều Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung. Bà Lê Thị Mai L và ông Kiều Tấn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị Mai L và ông Kiều Tấn T cùng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mai L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0030703 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực M). Bà Lê Thị Mai L đã nộp đủ.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kiều Tấn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0027304 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Kiều Tấn T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực M;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực M;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: TGĐ, hồ sơ, (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình